

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2024/HNST
Ngày: 14/5/2024
Về việc "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Thuở.
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Sầm
2. Ông Phạm Văn Đâu

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Ngọc Mai
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên
tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 143/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15/4/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bé L, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp An Quới, xã Đ, huyện M, tỉnh B

Bị đơn: Anh Nguyễn Thành G, sinh năm 1975

Địa chỉ: ấp An Vĩnh 1, xã Đ, huyện M, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé L trình bày:

Vào năm 2006 chị và anh Nguyễn Thành G đã được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Sau đám cưới vợ chồng chung sống tại gia đình chị tại ấp An Quới, xã Định Thủy, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Sau đó vợ chồng không hạnh phúc do không hợp nhau, không có tiếng nói chung, không vui vẻ, bất đồng mọi quan điểm trong cuộc sống, nên chị xin ly hôn. Chị và anh G có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Gia N, sinh ngày 25/9/2008 và Nguyễn Phúc D, sinh ngày 24/7/2013, các con đang sống với chị, chị yêu cầu

được nuôi con chung, không yêu cầu anh G cấp dưỡng. Chị và anh G không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Bé L có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thành G đều vắng mặt và không có gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án nên không có lời khai.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bé L đối với bị đơn anh Nguyễn Thành G. Cụ thể: Về quan hệ hôn nhân, chị L được ly hôn với anh G. Về con chung, giao con chung Nguyễn Ngọc Gia N và Nguyễn Phúc D cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh G không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu. Về tài sản chung không có nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Chị Nguyễn Thị Bé L có yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thành G, anh G có nơi cư trú tại ấp An Vĩnh 1, xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Thành G đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh G theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé L có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung :

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bé L và anh Nguyễn Thành G xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Theo lời trình bày của chị L thì chị và anh G trong quá trình chung sống thường xảy ra mâu thuẫn, do không hợp nhau, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên chị yêu cầu ly hôn với anh G. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mời anh G đến

để hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh không đến, điều đó chứng tỏ anh không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị L, vì vậy có căn cứ xác định tình trạng vợ chồng của anh chị đã thật sự mâu thuẫn trầm trọng nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh G.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bé L và anh Nguyễn Thành G có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Gia N, sinh ngày 25/9/2008 và Nguyễn Phúc D, sinh ngày 24/7/2013, các cháu đang sống với chị L, chị L có yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh G cấp dưỡng. Xét thấy, các con chung đang sống với chị L, được chị nuôi dưỡng tốt, các cháu đều có nguyện vọng sống với chị L nên việc chị L yêu cầu được nuôi con chung là có căn cứ chấp nhận. Ghi nhận việc chị L không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L khai chị và anh G không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Đối với đề nghị của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bé L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Bé L đối với anh Nguyễn Thành G, cụ thể như sau:

1.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bé L được ly hôn với anh Nguyễn Thành G.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Gia N, sinh ngày 25/9/2008 và Nguyễn Phúc D, sinh ngày 24/7/2013 cho chị Nguyễn Thị Bé L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Thành G không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

Anh Nguyễn Thành G được quyền thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung sau này, chị L anh G hoặc cả hai bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

1.3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Bé L khai chị và anh Nguyễn Thành G không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

1.4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bé L khai chị và anh Nguyễn Thành G không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Bé L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) theo biên lai thu số 0003770 ngày 05/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (chị L đã nộp đủ án phí).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THA DS huyện Mỏ Cày Nam;
- UBND xã Đa Phước Hội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở